



Mẫu CBTSGDHCM-11  
Appendix CBTSGDHCM-11

(Ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 08 năm 2016 của TGD SGĐCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGĐCK TPHCM)  
(Promulgated with the Decision No 340/QĐ-SGDHCM on August 19, 2016 of the Hochiminh Stock Exchange on Disclosure of Information Regulation on Hochiminh Stock Exchange)

**CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ SSI**  
**SSI ASSET MANAGEMENT COMPANY LIMITED**  
Số/No.:

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Independence - Freedom - Happiness

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2019  
Hanoi, date 25 month 02 year 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ ETF**  
(Định kỳ hàng ngày)  
KỶ BÁO CÁO NGÀY 24/02/2019

**DISCLOSURE OF INFORMATION NET ASSET VALUE OF THE ETF**  
(Daily report)  
DATE: 24-Thg2-19

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM  
To: Hochiminh Stock Exchange

- |   |  |   |
|---|--|---|
| 1 | <b>Tên Công ty quản lý quỹ:</b><br>Management Fund Company name: | <b>Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI</b><br>SSI Asset Management Company Limited   |
| 2 | <b>Tên Ngân hàng giám sát:</b><br>Supervisory bank:              | <b>Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành</b><br>Bank for Investment and Development of Vietnam JSC - Hathanh Branch |
| 3 | <b>Tên Quỹ ETF:</b><br>ETF name:                                 | <b>Quỹ ETF SSIAM VNX50</b><br>SSIAM VNX50 ETF   |
| 4 | <b>Mã Chứng khoán/Securities symbol:</b>                         | <b>FUESSV50</b>   |
| 5 | <b>Địa chỉ trụ sở chính:</b><br>Main office address:             | <b>1C Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội</b><br>1C Ngo Quyen, Hoan Kiem, Hanoi  |
| 6 | <b>Điện thoại/ Tel</b><br><b>Fax:</b>                            | <b>(+84-4) 3936 6321</b><br><b>(+84-4) 3936 6337</b>  |

Đơn vị tính: VND  
Unit: VND

STT No.	CHỈ TIÊU Criteria	NGÀY BÁO CÁO Reporting date 24/02/2019
1	<b>Tổng giá trị tài sản của Quỹ ETF</b> Total Assest Of The ETF	129,434,476,090
2	<b>Tổng nợ phải trả của Quỹ</b> Total liabilities of the ETF	285,880,771
3	<b>Giá trị tài sản ròng</b> Net Asset Value	
3.1	<i>của quỹ ETF</i> <i>of the ETF fund</i>	129,148,595,319
3.2	<i>trên một lô chứng chỉ quỹ ETF</i> <i>per lot of ETF Fund Certificate</i>	1,331,428,817
3.3	<i>trên một chứng chỉ quỹ</i> <i>per ETF Fund Certificate</i>	13,314.28

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát  
Authorised Representative of Supervisory Bank



Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành  
Vũ Thu Hương  
Phó Giám đốc

Đại diện có thẩm quyền của Công ty quản lý quỹ  
Authorised Representative of Fund Management Company



Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI

**Tô Thùy Linh**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**